

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SÔNG ĐEZI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mã số thuế: 0311000000

Địa chỉ: 01 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÔI TRƯỜNG SÔNG ĐEZI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 26

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bạch Văn Hiền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nữ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Bích Chương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/03/2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc *Th*



**Trần Anh Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
Đồng Nai, ngày 07 tháng 08 năm 2018

**RSM Vietnam**Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026

F +848 3827 5027

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)

Số: 19.125/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi, được lập ngày 07 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

**Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi** chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018**

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>271.896.803.267</b>	<b>266.968.353.210</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>50.469.080.968</b>	<b>48.276.044.780</b>
1. Tiền	111		4.160.127.592	16.239.915.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.308.953.376	32.036.129.361
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>15.161.199.253</b>	<b>9.300.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.161.199.253	9.300.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>192.467.679.415</b>	<b>202.648.851.494</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	187.697.657.036	198.520.987.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		884.240.259	1.878.197.590
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	4.057.693.360	2.421.577.865
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(171.911.240)	(171.911.240)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>13.784.610.791</b>	<b>6.072.849.780</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.784.610.791	6.072.849.780
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.232.840</b>	<b>670.607.156</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.000.000	670.607.156
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	8.232.840	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>212.042.591.295</b>	<b>207.592.455.786</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>285.324.750</b>	<b>285.324.750</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		285.324.750	285.324.750
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>92.541.644.291</b>	<b>101.760.165.440</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	92.541.644.291	101.760.165.440
Nguyên giá	222		253.476.779.273	252.220.605.545
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.935.134.982)	(150.460.440.105)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>108.472.073.812</b>	<b>91.782.267.093</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	108.472.073.812	91.782.267.093
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.500.000.000	7.500.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.243.548.442</b>	<b>6.264.698.503</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	2.867.466.519	5.972.520.662
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		376.081.923	292.177.841
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>483.939.394.562</b>	<b>474.560.808.996</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.228.566.260</b>	<b>133.303.382.036</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>131.228.566.260</b>	<b>133.303.382.036</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	14.984.804.565	16.673.587.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.595.842.260	278.539.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	3.795.514.010	5.682.326.459
4. Phải trả người lao động	314	4.11	16.242.432.487	25.880.490.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	4.055.288.909	4.200.102.909
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		684.145.428	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	60.288.084.022	61.104.122.031
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	7.789.705.859	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		295.822.299	31.992.980
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	21.496.926.421	19.452.221.117
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>352.710.828.302</b>	<b>341.257.426.960</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>352.710.828.302</b>	<b>341.257.426.960</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.16.2	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.885.360.484	4.210.024.535
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.658.634.356	33.880.568.963
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		27.757.354.875	7.127.209.476
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.901.279.481	26.753.359.487
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	3.166.833.462
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>483.939.394.562</b>	<b>474.560.808.996</b>



**Trần Anh Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 07 tháng 08 năm 2018

Người lập 

**Trần Võ Hoài Hương**  
**Kế toán trưởng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	163.321.761.448	169.727.176.916
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		163.321.761.448	169.727.176.916
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	133.417.086.251	138.861.307.140
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.904.675.197	30.865.869.776
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.798.081.494	1.628.380.488
6. Chi phí tài chính	22		10.243.997	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		10.243.997	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.19	14.099.145.658	14.494.570.853
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.593.367.036	17.999.679.411
9. Thu nhập khác	31		519.732.896	651.274.056
10. Chi phí khác	32		148.226.192	98.276.658
11. Lợi nhuận khác	40		371.506.704	552.997.398
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.964.873.740	18.552.676.809
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.21	3.147.498.341	2.573.554.390
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(83.904.082)	(83.904.082)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.901.279.481	16.063.026.501
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	433	466
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	433	466



Phê Duyệt

Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 07 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.964.873.740	18.552.676.809
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.20	10.928.680.294	10.685.581.932
Các khoản dự phòng	03		263.829.319	562.401.970
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.812.066.911)	(1.828.280.488)
Chi phí lãi vay	06		10.243.997	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>27.355.560.439</b>	<b>27.972.380.223</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.671.909.323	29.119.291.658
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.711.761.011)	2.459.202.612
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.481.767.526)	(5.280.086.853)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.769.661.299	3.334.228.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(3.034.293.466)	(1.350.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.680.000	34.535.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.008.485.620)	(1.617.623.567)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>20.601.503.438</b>	<b>54.671.927.675</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.696.085.266)	(24.580.273.422)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.861.199.253)	(9.300.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		299.111.410	459.930.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(26.198.173.109)</b>	<b>(33.420.342.950)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.22	7.789.705.859	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(24.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.789.705.859</b>	<b>(24.000.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>2.193.036.188</b>	<b>(2.748.415.275)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.276.044.780	73.062.912.258
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	4.1	<b>50.469.080.968</b>	<b>70.314.496.983</b>



Phê Duyệt

Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 07 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương  
Kế toán trưởng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 08 tháng 05 năm 2018.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 713 (31/12/2017: 726).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ đô thị môi trường:

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ;
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường;
- Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2017.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	421.449.843	1.358.102.843
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.738.677.749	14.881.812.576
Các khoản tương đương tiền	46.308.953.376	32.036.129.361
<b>Cộng</b>	<b>50.469.080.968</b>	<b>48.276.044.780</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,3%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 6,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 8.100.000.000 VND.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phòng Quản Lý Đô Thị Biên Hòa	162.440.816.426	159.318.145.814
Các khách hàng khác	25.161.904.190	39.134.698.945
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 4.24	94.936.420	68.142.520
<b>Cộng</b>	<b>187.697.657.036</b>	<b>198.520.987.279</b>

**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	1.287.080.990	-	366.104.678	-
Phải thu người lao động	957.000.000	-	185.000.000	-
Phải thu khác	1.813.612.370	-	1.870.473.187	-
<b>Cộng</b>	<b>4.057.693.360</b>	<b>-</b>	<b>2.421.577.865</b>	<b>-</b>

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.415.496.471	-	2.062.483.360	-
Công cụ, dụng cụ	771.436.877	-	1.054.352.073	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.999.263.583	-	2.381.377.521	-
<i>Dịch vụ xúc vận chuyển</i>	6.988.832.593	-	-	-
<i>Các công trình giao thông</i>	3.007.858.490	-	2.168.634.160	-
<i>Công trình trồng cây xanh</i>	2.572.500	-	212.743.361	-
Hàng hóa	598.413.860	-	574.636.826	-
<b>Cộng</b>	<b>13.784.610.791</b>	<b>-</b>	<b>6.072.849.780</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	118.229.542.902	37.809.496.434	89.361.877.844	287.605.900	6.532.082.465	252.220.605.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	1.756.173.728	-	-	1.756.173.728
Tặng khác	-	-	97.010.254	-	-	97.010.254
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(597.010.254)	-	-	(597.010.254)
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>118.229.542.902</b>	<b>37.809.496.434</b>	<b>90.618.051.572</b>	<b>287.605.900</b>	<b>6.532.082.465</b>	<b>253.476.779.273</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	83.322.519.284	19.821.739.159	45.558.526.142	247.520.664	1.510.134.856	150.460.440.105
Khấu hao trong kỳ	3.398.575.185	1.420.020.975	5.634.806.278	6.413.634	468.864.222	10.928.680.294
Tặng khác	-	-	97.010.254	-	-	97.010.254
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(550.995.671)	-	-	(550.995.671)
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>86.721.094.469</b>	<b>21.241.760.134</b>	<b>50.739.347.003</b>	<b>253.934.298</b>	<b>1.978.999.078</b>	<b>160.935.134.982</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	34.907.023.618	17.987.757.275	43.803.351.702	40.085.236	5.021.947.609	101.760.165.440
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>31.508.448.433</b>	<b>16.567.736.300</b>	<b>39.878.704.569</b>	<b>33.671.602</b>	<b>4.553.083.387</b>	<b>92.541.644.291</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 76.411.364.568 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công trình khu xử lý chất thải Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	108.287.084.643	91.614.679.378
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	138.868.533	138.868.533
Công trình khác	46.120.636	28.719.182
<b>Cộng</b>	<b>108.472.073.812</b>	<b>91.782.267.093</b>

**4.8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Lợi thế kinh doanh	2.041.075.082	5.102.687.684
Công cụ dụng cụ xuất dùng	826.391.437	869.832.978
<b>Cộng</b>	<b>2.867.466.519</b>	<b>5.972.520.662</b>

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 03 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Khoa Học Công Nghệ Môi Trường Quốc Việt	3.564.975.810	3.564.975.810	3.917.713.800	3.917.713.800
Trạm xăng dầu Bến xe Biên Hòa	2.297.841.455	2.297.841.455	1.631.705.820	1.631.705.820
Các nhà cung cấp khác	9.121.987.300	9.121.987.300	11.120.922.522	11.120.922.522
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	-	-	3.245.000	3.245.000
<b>Cộng</b>	<b>14.984.804.565</b>	<b>14.984.804.565</b>	<b>16.673.587.142</b>	<b>16.673.587.142</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/06/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.090.971.181	14.807.808.139	16.136.649.230	-	1.762.130.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.873.845.722	3.147.498.341	3.034.293.466	-	1.987.050.597
Thuế thu nhập cá nhân	-	717.509.556	950.084.324	1.621.260.557	-	46.333.323
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	348.949.168	348.949.168	-	-
Các loại thuế khác	-	-	20.000.000	28.232.840	8.232.840	-
<b>Cộng</b>	-	<b>5.682.326.459</b>	<b>19.274.339.972</b>	<b>21.169.385.261</b>	<b>8.232.840</b>	<b>3.795.514.010</b>

**4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - Phần nắp hố rác SH5	3.213.593.636	3.213.593.636
Trích trước chi phí xây dựng công trình bể xử lý nước thải	671.073.273	930.713.273
Khác	170.622.000	55.796.000
<b>Cộng</b>	<b>4.055.288.909</b>	<b>4.200.102.909</b>

**4.13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân phải trả cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	7.548.032.211	7.547.189.737
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	355.926.096	364.484.198
Kinh phí công đoàn	96.706.860	296.785.780
Phải trả Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh	3.298.605.030	3.298.605.030
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.205.396.562	1.813.640.023
Các khoản phải bàn giao ngân sách nhà nước	47.783.417.263	47.783.417.263
<i>Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu phải trả Trung tâm Phát triển quỹ đất Tỉnh Đồng Nai</i>	47.382.461.015	47.382.461.015
<i>Chi phí quy hoạch cho diện tích 21,7 ha dự án khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai</i>	400.956.248	400.956.248
<b>Cộng</b>	<b>60.288.084.022</b>	<b>61.104.122.031</b>

**4.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Là khoản vay tín chấp ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai bằng VND với lãi suất 6%/năm.

**4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Quỹ phúc lợi	9.442.308.937	9.134.281.678
Quỹ khen thưởng	11.005.325.679	9.414.695.720
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	237.475.000	502.241.266
Quỹ công tác xã hội cộng đồng	264.722.048	401.002.453
Khác	547.094.757	-
<b>Cộng</b>	<b>21.496.926.421</b>	<b>19.452.221.117</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	-	44.231.559.520	347.398.392.982
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	16.063.026.501	16.063.026.501
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.210.024.535	(4.210.024.535)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.473.031.895)	(5.473.031.895)
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	26.611.529.591	333.988.387.588
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	10.690.332.986	10.690.332.986
Giảm khác (*)	-	-	-	(3.421.293.614)	(3.421.293.614)
Số dư tại ngày 01/01/2018	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	33.880.568.963	341.257.426.960
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	14.901.279.481	14.901.279.481
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.675.335.949	(2.675.335.949)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.447.878.139)	(3.447.878.139)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2018</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>3.166.833.462</b>	<b>6.885.360.484</b>	<b>42.658.634.356</b>	<b>352.710.828.302</b>

(\*) Khoản nợ về quỹ hỗ trợ sắp xếp việc làm phần lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 do điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước số 302/TB-KTNN KV XIII ngày 22/09/2017.

Số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối sẽ được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tài chính khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước sau khi có biên bản làm việc cuối cùng về số liệu cổ phần hóa giữa Sở tài chính và Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

**4.16.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**4.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.901.279.481	16.063.026.501
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.916.304.541)	(2.094.844.884)
Lãi sau thuế đã tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.984.974.940	13.968.181.617
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>433</b>	<b>466</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2018.

**4.16.5. Cổ tức đã trả**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	-	24.000.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu bán hàng	941.813.274	1.012.965.818
Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.150.674.083	168.402.657.917
Doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 4.24	229.274.091	311.553.181
<b>Cộng</b>	<b><u>163.321.761.448</u></b>	<b><u>169.727.176.916</u></b>

**4.18. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	657.901.863	397.186.179
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	132.759.184.388	138.464.120.961
<b>Cộng</b>	<b><u>133.417.086.251</u></b>	<b><u>138.861.307.140</u></b>

**4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.070.930.524	5.272.233.423
Chi phí vật liệu quản lý	319.591.282	367.238.459
Chi phí đồ dùng văn phòng	759.702.142	669.069.439
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	3.061.612.602	3.061.612.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	363.747.654	412.681.772
Thuế, phí và lệ phí	373.949.168	375.875.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.726.971	455.980.388
Chi phí bằng tiền khác	3.661.885.315	3.879.878.988
<b>Cộng</b>	<b><u>14.099.145.658</u></b>	<b><u>14.494.570.853</u></b>

**4.20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.861.878.107	61.322.316.868
Chi phí nhân công	52.604.444.854	58.984.884.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.928.680.294	10.685.581.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.855.000.561	5.677.008.380
Chi phí khác bằng tiền	14.894.358.152	14.117.364.491
<b>Cộng</b>	<b><u>155.144.361.968</u></b>	<b><u>150.787.156.222</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	17.964.873.740	18.552.676.809
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.018.965.565	1.000.029.780
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	18.983.839.305	19.552.706.589
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 20%	2.498.228.820	1.236.567.463
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 10%	649.269.521	1.336.986.927
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>3.147.498.341</b>	<b>2.573.554.390</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn.

**4.22. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.789.705.859	-

**4.23. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyển rác;
- Thu gom rác phổ;
- Xử lý rác;
- Công viên công cộng, dây phân cách;
- Hoạt động khác.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: Ngân đồng	<u>Xúc vận chuyển rác</u>		<u>Thu gom rác phỏ</u>		<u>Xử lý rác</u>		<u>Công viên công cộng, đầy phân cách</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Doanh thu</b>												
Từ khách hàng	62.324.676	63.713.982	22.870.547	21.768.464	32.614.987	34.736.654	11.297.456	13.981.469	34.214.097	35.526.608	163.321.761	169.727.177
bên ngoài												
Giữa các bộ phận												
<b>Cộng</b>	<b>62.324.676</b>	<b>63.713.982</b>	<b>22.870.547</b>	<b>21.768.464</b>	<b>32.614.987</b>	<b>34.736.654</b>	<b>11.297.456</b>	<b>13.981.469</b>	<b>34.214.097</b>	<b>35.526.608</b>	<b>163.321.761</b>	<b>169.727.177</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>												
Kết quả của bộ phận	15.711.713	10.566.919	1.993.671	1.698.740	4.277.979	13.235.623	1.008.105	137.162	6.913.207	5.227.426	29.904.675	30.865.870
Chi phí không phân bổ											14.099.146	14.494.571
Lợi nhuận trước thuế, chi phí tài chính											16.177.036	16.924.296
Thu nhập tài chính											1.798.081	1.628.380
Chi phí tài chính											10.244	-
Lợi nhuận trước thuế											17.964.874	18.552.677
Thuế thu nhập doanh nghiệp											3.147.498	2.573.554
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>											<b>14.901.279</b>	<b>16.063.027</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,

Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Các thông tin khác	Xúc vận chuyên rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, đầy phân cách		Hoạt động khác		Tổng cộng		
	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	20.867.436	42.342.462	-	6.164.770	13.075.119	1.909.835	11.767	63.599.603	46.330.818	92.541.644	101.760.165	391.397.750	372.800.644
<b>Tổng tài sản</b>	<b>483.939.395</b>	<b>474.560.809</b>											

Nợ phải trả không  
phần bổ

Xúc vận chuyên rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, đầy phân cách		Hoạt động khác		Tổng cộng	
Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
131.228.566	133.303.382									131.228.566	133.303.382

Tổng nợ phải trả

Xúc vận chuyên rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, đầy phân cách		Hoạt động khác		Tổng cộng	
Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
5.454.038	5.331.029	-	2.634.743	2.199.636	66.523	5.884	2.773.377	3.149.033	20.696.085	24.580.273	
									10.928.680	10.685.582	

Chi phí mua sắm  
tài sản trong kỳ  
Chi phí khấu hao  
trong kỳ

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.24. Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- |   |                             |
|---|-----------------------------|
| 1. Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp   | Công ty mẹ                  |
| 2. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp | Công ty trong cùng tập đoàn |
| 3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc  | Nhân sự quản lý chủ chốt    |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>		
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	39.757.000	48.102.600
Công ty CP Sonadezi Giang Điền	18.216.000	-
Công ty CP Cảng Đồng Nai	11.550.000	7.678.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	10.898.920	10.898.920
Công ty CP Sonadezi Long Thành	6.270.000	-
Công ty CP Sơn Đồng Nai	4.070.000	-
Công ty CP Sonadezi Long Bình	2.480.500	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	-	825.000
Công ty CP Sonadezi An Bình	880.000	638.000
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	814.000	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b><u>94.936.420</u></b>	<b><u>68.142.520</u></b>
	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
<b>Trả trước cho người bán:</b>		
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	60.075.000	58.095.000
	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn:</b>		
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	-	(3.245.000)

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty CP Sonadezi Giang Điền	85.500.000	-
Công ty CP Cảng Đồng Nai	35.020.000	49.660.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	23.530.000	13.440.000
Trường Cao Đẳng Công nghệ Và Quản trị Sonadezi	27.380.000	30.525.000
Công ty CP Sơn Đồng Nai	23.310.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	18.335.000	17.600.000
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	5.059.091	-
Công ty CP Sonadezi An Bình	4.140.000	4.060.000
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	4.070.000	2.590.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	1.500.000	1.500.000
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	1.430.000	1.320.000
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	-	140.158.181
Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp	-	47.340.000
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	-	3.360.000
	<b>229.274.091</b>	<b>311.553.181</b>

**Cộng** – Xem thêm mục 4.17

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Mua dịch vụ:</b>		
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	346.205.100	297.897.883
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	328.827.302	349.246.392
	<b>675.032.402</b>	<b>647.144.275</b>

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	845.911.692	852.676.923

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.25. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	150.006.000	148.800.000

**4.26. Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	50.967.157.764	35.165.041.492

**4.27. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**4.28. Các thông tin khác**

Hiện nay, Công ty đang ghi nhận doanh thu cho dịch vụ công ích xử lý rác khu vực Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo đơn giá tạm tính là 290.000 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), đơn giá này đang được Công ty trình lên Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai chờ phê duyệt. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phê duyệt giá chính thức cho loại hình dịch vụ xử lý rác từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Bên cạnh đó, tại ngày 30/06/2018, Công ty chưa xây dựng đề án chi phí sau đóng bãi của công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Do đó, Công ty chưa có đầy đủ căn cứ để ghi nhận vào kết quả kinh doanh phần chi phí sau đóng bãi tương ứng với giá trị doanh thu xử lý rác đã ghi nhận.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.28. Các thông tin khác (tiếp theo)**

Ngoài ra, đối với dịch vụ công ích xúc vận chuyển mà Công ty đã thực hiện cho các Huyện thuộc địa bàn Tỉnh Đồng Nai như sau:

- Huyện Long Thành: Công ty chưa được nghiệm thu khối lượng thực hiện cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/04/2017 và 6 tháng đầu năm 2018 với Phòng Tài Nguyên Môi trường Huyện. Đồng thời, Công ty chưa nhận được văn bản duyệt giá chính thức từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai nên Công ty chưa ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh khoản doanh thu và giá vốn tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành có giá trị lần lượt là 6,7 tỷ VND và 3,6 tỷ VND.
- Huyện Vĩnh Cửu: Công ty chưa được nghiệm thu khối lượng thực hiện cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018 với Phòng Tài Nguyên Môi trường Huyện. Đồng thời, Công ty chưa nhận được văn bản duyệt giá chính thức từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai nên Công ty chưa ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh khoản doanh thu và giá vốn tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành có giá trị lần lượt là 2,8 tỷ VND và 1,5 tỷ VND.
- Huyện Nhơn Trạch: Công ty chưa được nghiệm thu khối lượng thực hiện cho quý 2 năm 2018 với Phòng Tài Nguyên Môi trường Huyện. Do đó, Công ty chưa ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh khoản doanh thu và giá vốn tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành có giá trị lần lượt là 2,9 tỷ VND và 1,9 tỷ VND.



Phê duyệt

Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 07 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương  
Kế toán trưởng